

Số: 275 /BC-VSTBPN

Ninh Bình, ngày 27 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động Vì sự tiến bộ của phụ nữ và công tác Bình đẳng giới năm 2017

Căn cứ Công văn số 1674/LĐT BXH-BVCSTE&BDG ngày 13/11/2017 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Căn cứ mục tiêu Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới của tỉnh và Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ của ngành GD&ĐT năm 2017, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ (VSTBPN) ngành Giáo dục và Đào tạo báo cáo tình hình hoạt động VSTBPN và công tác Bình đẳng giới năm 2017 như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CỦA BAN VSTBPN

1. Hoạt động tổ chức tổng kết 10 năm thi hành Luật Bình đẳng giới

Công tác tuyên truyền, triển khai, chỉ đạo tổng kết 10 năm thi hành Luật Bình đẳng giới được chú trọng thực hiện nghiêm túc trong Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành và cơ sở. Tại các cuộc họp định kỳ của Ban, họp cán bộ chủ chốt của ngành, ngành đã chú trọng sao in, gửi tài liệu để nghiên cứu; tổ chức quán triệt cho cán bộ lãnh đạo các đơn vị, cán bộ tham gia công tác nữ về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tổng kết 10 năm thi hành Luật bình đẳng giới. Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành Giáo dục và Đào tạo đã phổ biến, quán triệt Ban VSTBPN cấp cơ sở tiến hành rà soát, đánh giá, báo cáo việc thực hiện Luật Bình đẳng giới trong 10 năm.

2. Công tác phối hợp liên ngành triển khai các hoạt động VSTBPN

- Ban VSTBPN ngành luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện của Đảng ủy và lãnh đạo Sở GD&ĐT; sự chỉ đạo, hướng dẫn của ban VSTBPN tỉnh trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước đối với công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Ban VSTBPN ngành đã chú trọng tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy, cho Đảng ủy chỉ đạo các chi bộ xây dựng và tổ chức thực hiện Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 về việc thực hiện Quyết định 178/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Thông báo Kết luận 196-TB/TW ngày 16/3/2015 của Ban Bí thư về Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong tình hình mới”.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa Ban VSTBPN với cơ quan quản lý nhà nước về Bình đẳng giới, giữa Ban VSTBPN với Công đoàn ngành, Hội cựu chiến binh cơ quan nhằm thúc đẩy triển khai các hoạt động nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh từ góc độ giới; Giảm thiểu tình trạng bạo lực, thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Tổ chức triển khai kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 28/10/2016 về thực hiện Đề án “Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030”; Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh

về thực hiện các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình hành động quốc gia bình đẳng giới tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016-2020 và các hoạt động khác liên quan.

3. Kết quả thực hiện công tác cán bộ nữ

+ Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng khối trực thuộc: $82/214 = 38,3\%$

+ Cán bộ tham gia quản lý, lãnh đạo là nữ cấp ngành: Giám đốc Sở: 0; Phó Giám đốc Sở: 01; Trưởng phòng Sở: 02; Phó Trưởng phòng Sở: 12.

+ Cán bộ thuộc diện quy hoạch các chức danh quản lý, lãnh đạo khối trực thuộc là nữ: $156/375 = 41,6\%$

+ Trình độ chuyên môn Tiến sĩ: 01; Thạc sĩ: 270/428; Đại học: 6250/7461; Cao đẳng: 1696/1860, Trung cấp: 323/358..

4. Kết quả triển khai nhiệm vụ thường xuyên của Ban

4.1. Công tác tuyên truyền, tập huấn về Bình đẳng giới và sự tiến bộ phụ nữ:

Công tác này đã được Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành chú trọng thực hiện nghiêm túc. Các hoạt động trên đã giúp cho việc nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ, giáo viên, nhân viên ngành GD&ĐT và nhân dân trong việc thực hiện và chấp hành pháp luật nói chung, trong đó có Luật Bình đẳng giới nói riêng.

4.2. Công tác kiểm tra hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ tại các đơn vị trực thuộc, cấp cơ sở.

Hàng tháng, Sở GD&ĐT đều tiến hành thanh tra, kiểm tra từ 1-2 cơ sở giáo dục. Thành phần Đoàn kiểm tra thường có cán bộ của Phòng Tổ chức cán bộ là thành viên của Ban VSTBPN ngành, do vậy trong nội dung thanh tra, kiểm tra có lồng nội dung kiểm tra hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ tại các đơn vị trực thuộc, cấp cơ sở.

Trong năm 2017, Đảng ủy và Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Sở GD&ĐT đã tiến hành 04 cuộc kiểm tra, giám sát hoạt động của 02 chi bộ trực thuộc và đã lồng nội dung kiểm tra hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ của các chi bộ.

4.3. Công tác củng cố, kiện toàn tổ chức và hoạt động của Ban VSTBPN:

Sở GD&ĐT và các đơn vị trực thuộc gồm 29 đầu mối. Trong những năm gần đây, số lao động nữ được tuyển dụng vào làm việc có tỉ lệ ngày càng cao, từ 80 đến 85%. Ban VSTBPN ngành thường xuyên được kiện toàn. Số thành viên của Ban VSTBPN của ngành hiện nay là 9 người. Các đơn vị trực thuộc đều đã kiện toàn Ban VSTBPN cơ sở, mỗi đơn vị có từ 3-5 thành viên (đại diện lãnh đạo đơn vị, cấp ủy, Công đoàn cơ sở, đại diện Ban nữ công, Đoàn TN (nếu có)).

Nhìn chung, các Ban VSTBPN đã có những hoạt động thiết thực, xây dựng được quy chế hoạt động; quy định chế độ hội họp; tỉ lệ thành viên tham gia họp khá đầy đủ. Kinh phí hoạt động đã được Thủ trưởng đơn vị tạo điều kiện và hỗ trợ. Tuy nhiên, nguồn chi khác hạn hẹp nên chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của Ban. Việc ghi chép thể hiện các hoạt động của ban, công tác tham mưu của một số ban VSTBPN còn hạn chế.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

a) *Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị*

Sau đại hội Đảng cấp cơ sở, đại hội Công đoàn cơ sở, tỉ lệ cán bộ nữ tham gia BCH công đoàn và cấp ủy cơ sở đã tăng lên đáng kể (khối thuộc Sở: Công đoàn có 135/210, đạt 64,2%; cấp ủy có 64/143, đạt 44,7% là nữ).

b) *Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm*

Tỉ lệ lao động nữ trong ngành GD&ĐT tiếp tục tăng cao, nhất là ở khối THPT. Hiện nay, khối thuộc Sở có tỉ lệ nữ là 1523/2058 (74%). Năm 2011, số nữ tuyển dụng mới là 104/118 (88,1%); năm 2012 là 20/25 (80%); năm 2013 là 26/37 (70,2%); năm 2014 là 73/76 (96%). Cá biệt có đơn vị tỉ lệ nữ giáo viên chiếm tỉ lệ trên 90%.

c) *Đảm bảo bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin*

Thư viện trường học là thế mạnh của các cơ sở giáo dục thuộc Sở. Hầu hết các đơn vị có thư viện đạt chuẩn, nhiều thư viện đạt chuẩn cao, ở mức xuất sắc. Đội ngũ giáo viên môn Giáo dục công dân trong các nhà trường là nguồn cán bộ giúp việc phổ biến, tuyên truyền pháp luật trong nhà trường và trong cộng đồng dân cư. 100% nữ cán bộ, giáo viên đều có chứng chỉ tin học, đó là điều kiện thuận lợi để cán bộ, giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, quản lý và tìm hiểu kiến thức trên mạng.

d) *Đảm bảo bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực gia đình trên cơ sở bình đẳng giới*

Trong nhiều năm qua, các đơn vị thuộc Sở không để xảy ra tình trạng bạo hành trong gia đình. Phong trào xây dựng gia đình nhà giáo văn hoá tiếp tục được đẩy mạnh. Hằng năm, Ban VSTBPN ngành phối hợp với Ban nữ công Công đoàn giáo dục tỉnh xét và đề nghị các cá nhân, tập thể đạt danh hiệu “Giỏi việc trường, đảm việc nhà”, có tác dụng động viên, khuyến khích, biểu dương kịp thời các tập thể nữ công và nữ giáo viên làm tốt vai trò người vợ, người mẹ, giữ yên mái ấm gia đình.

e) *Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về bình đẳng giới*

Sở GD&ĐT đã chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật; trong đó có giáo dục về bình đẳng giới, về các công tác trong chương trình hành động Vì sự tiến bộ của phụ nữ. Ban VSTBPN ngành được bổ sung, kiện toàn; phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên theo dõi, tổng hợp các mục tiêu của chương trình hàng động và địa bàn phụ trách. Đã tổ chức cho cán bộ chủ chốt, cán bộ cơ sở nghiên cứu, quán triệt Luật bình đẳng giới. Ban VSTBPN đã thường xuyên tổ chức các cuộc giao ban, rút kinh nghiệm, nắm tình hình và có văn bản hướng dẫn cơ sở triển khai thực hiện. Công tác kiểm tra, đôn đốc đã chú ý hơn, tuy nhiên, hiệu quả còn hạn chế.

Điểm đáng chú ý là lực lượng lao động nữ trong ngành GD&ĐT tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, có tỉ lệ ngày càng tăng. Có 270/428 (chiếm 63%) nữ cán bộ, giáo viên có trình độ Thạc sĩ (vượt chỉ tiêu đề ra là đến năm 2016 đạt 40% tỉ lệ nữ trong tổng số người được đào tạo trên đại học, trong đó khối trực thuộc là 229/369, chiếm 62%).

g) Đảm bảo bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe

Nhìn chung, nữ cán bộ, giáo viên, nhân viên và nữ học sinh khối thuộc sở đều được hưởng thu các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, nhất là người mang thai, nuôi con nhỏ. Các đơn vị thuộc Sở đều có cán bộ y tế học đường; một số đơn vị không có biên chế nên phân công cán bộ kiêm nhiệm công tác này.

2. Những mặt hạn chế

- Về tỉ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ: Hiện nay, khối trực thuộc Sở vẫn còn 04 đơn vị cơ sở chưa có cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ (các trường THPT: Nho Quan C, Gia Viễn B, Vũ Duy Thanh, Tạ Uyên).

- Về tỉ lệ lao động nữ trong ngành GD&ĐT: tỉ lệ nữ tiếp tục tăng cao, nhất là ở khối THPT. Hiện nay, khối thuộc Sở có tỉ lệ nữ là 1523/2058 (74%). Năm 2011, số nữ tuyển dụng mới là 104/118 (88,1%); năm 2012 là 20/25 (80%); năm 2013 là 26/37 (70,2%); năm 2014 là 73/76 (96%). Cá biệt có đơn vị tỉ lệ nữ giáo viên chiếm tỉ lệ trên 90%. Tuy nhiên, tỉ lệ nữ giáo viên quá cao hiện nay cũng tác động nhất định đến một số mặt hoạt động của các cơ sở giáo dục.

- Về hiệu quả hoạt động của Ban VSTBPN Sở GD&ĐT: Có tiến bộ, song còn có mặt hạn chế (như công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các mục tiêu chưa thường xuyên); việc cập nhật thông tin, số liệu các mục tiêu của chiến lược bình đẳng giới khối giáo dục thuộc cấp huyện quản lý (Mầm non, Tiểu học, THCS) ở một số thời điểm chưa kịp thời.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Đảng, Nhà nước nghiên cứu tiếp tục sửa đổi, bổ sung một số chính sách về nữ cho phù hợp hơn như: Tuổi lao động của nữ; tuổi nghỉ hưu; tuổi quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ nữ phù hợp hơn; Bổ sung thêm các chính sách hỗ trợ nữ cán bộ lãnh đạo quản lý học tập, nâng cao trình độ mọi mặt.

2. Đề nghị Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh thường xuyên mở các lớp tập huấn tuyên truyền về bình đẳng giới, cung cấp các tài liệu liên quan đến việc thực hiện bình đẳng giới cho các Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp dưới. Tạo điều kiện để các Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp giao lưu, học hỏi trong nước và nước ngoài.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC THỜI GIAN TỚI

1. Bổ sung quy hoạch cán bộ và tạo điều kiện cho nữ giáo viên rèn luyện, phấn đấu. Khi xem xét, bổ nhiệm cán bộ phải chú ý đến nhân tố nữ. Chú trọng cử nữ giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho nữ cán bộ, giáo viên.

2. Phấn đấu xóa sổ hộ nữ giáo viên nghèo, cận nghèo. Các hộ nữ giáo viên chưa giàu đều được tạo điều kiện vay vốn để phát triển kinh tế. Tiếp tục thực hiện chương trình phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình trong ngành. Chú trọng công tác kiểm tra, đôn đốc đối với cơ sở thực hiện các mục tiêu của chương trình hành động này.

3. Tiếp tục tham mưu huy động học sinh đến trường, lớp đạt tỉ lệ cao. Tham mưu nâng cao chất lượng phổ cập phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS.

4. Phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế triển khai có hiệu quả việc chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, giáo viên; thực hiện tốt công tác y tế học đường. Tuyển đủ nhân viên y tế học đường cho các trường học theo đúng quy định của nhà nước.

Thực hiện có hiệu quả các chương trình chăm sóc sức khỏe học đường. Phòng chống bệnh răng miệng, bệnh vẹo cột sống, bệnh cận thị và các bệnh thường gặp khác ở học sinh. Phòng chống ma túy, HIV-AIDS trong học sinh.

5. Đẩy mạnh việc củng cố, phát triển thư viện trường học, trong đó chú trọng sách, tạp chí tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Tạo điều kiện để nữ cán bộ, giáo viên được hưởng thụ các dịch vụ văn hóa, tinh thần lành mạnh.

6. Ban VSTBPN ngành thường xuyên được kiện toàn, bổ sung khi có biến động. Các thành viên Ban VSTBPN ngành và Ban VSTBPN cấp cơ sở được tập huấn về kỹ năng hoạt động, bồi dưỡng kiến thức về giới và lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách. Định kỳ tổ chức để các thành viên Ban VSTBPN ngành có điều kiện giao lưu, học hỏi ở các đơn vị bạn.

7. Ban VSTBPN ngành tiếp tục nâng cao năng lực tổ chức và hoạt động, phân công cụ thể nhiệm vụ cho các thành viên; xây dựng các chương trình công tác, mục tiêu cụ thể hàng năm, tăng cường kiểm tra đôn đốc, sơ kết để rút kinh nghiệm.

Trên đây là Báo cáo tình hình hoạt động VSTBPN và công tác Bình đẳng giới năm 2017, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành GD&ĐT trân trọng báo cáo. /.

Nơi nhận:

- Vụ TCCB (Bộ GD&ĐT)
- Ban VSTBPN tỉnh;
- Sở LĐ-TBXH tỉnh; (để báo cáo)
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các phòng GD&ĐT và (qua website đơn vị trực thuộc Sở; để thực hiện).
- Lưu: VT, CTTT. NG/05.

**TRƯỞNG BAN VSTBPN
NGÀNH GD&ĐT NINH BÌNH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT
Bùi Thị Khuyên**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC BÌNH ĐẲNG GIỚI
 VÌ SỰ TIẾN BỘ PHỤ NỮ NĂM 2017**

TT	Nội dung		Đơn vị	Hiện nay
I	Kết quả thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-CP, ngày 01/12/2009 của Chính Phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước			
1	Tham mưu ban hành các văn bản, kế hoạch về công tác cán bộ (<i>Đề nghị trong báo cáo ghi rõ trích yếu văn bản</i>)		văn bản	1
2	Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên lao động toàn ngành		(nữ/tổng số)	14 097/16 487
3	Lãnh đạo, quản lí			
	Cấp tỉnh	Giám đốc	nữ	0
			nam	
		Phó Giám đốc	nữ/tổng số	1/4
		Trưởng phòng cấp Sở	nữ/tổng số	2/10
		Phó trưởng phòng cấp Sở	nữ/tổng số	12/19
Đơn vị trực thuộc	Hiệu trưởng	nữ/tổng số	5/28	
	Phó Hiệu trưởng	nữ/tổng số	27/71	
4	Cán bộ, công chức, viên chức được bổ nhiệm các chức danh quản lí, lãnh đạo, tính đến tháng 9/2017		nữ/tổng số	1014/1262
5	Trình độ đào tạo của cán bộ, công chức, viên chức		Tiến sĩ (nữ/tổng số)	1/3
			Thạc sĩ (nữ/tổng số)	270/428
			Đại học (nữ/tổng số)	6250/7461
			Cao đẳng (nữ/tổng số)	1696/1860
			Trung cấp (nữ/tổng số)	323/358
6	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ			Năm 2017
a	Đào tạo	Thạc sĩ	nữ/tổng số	20/29
		Tiến sĩ	nữ/tổng số	1/2
b	Lí luận chính trị	Trung cấp	(nữ/tổng số)	30/50
		Cao cấp	(nữ/tổng số)	3/5
c	Bồi dưỡng	Chuyên môn nghiệp vụ	Lượt	1000
		Tin học	Lượt	500
		Ngoại ngữ	Lượt	500
d	Quản lí Nhà nước	Ngạch chuyên viên chính	(nữ/tổng số)	0
		Ngạch chuyên viên	(nữ/tổng số)	4/5
II	BDG trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới			Năm 2017
1	Số nạn nhân bị bạo lực gia đình phát hiện được		Vụ	0
1.1.	Chia theo loại hình	Bạo lực thể xác	Vụ	0
		Bạo lực tinh thần	Vụ	0

		Bạo lực kinh tế	Vụ	0
		Bạo lực tình dục	Vụ	0
1.2.	Nạn nhân bị bạo lực chia theo nhóm tuổi, giới tính	Nạn nhân là phụ nữ	Vụ	0
		Nạn nhân là nam giới	Vụ	0
		Nạn nhân là trẻ em gái	Vụ	0
		Nạn nhân là trẻ em trai	Vụ	0
2	Tỉ lệ nạn nhân bị BLGD được phát hiện, tư vấn tâm lí, sức khỏe, phòng chống BLGD			0
3	Số người gây bạo lực được phát hiện			0
4	Số người gây BL được phát hiện được tư vấn tại cơ sở tư vấn về phòng chống BLGD			0
5	Số CLB bình đẳng giới, phòng, chống BLGD	CLB		373
6	Tỉ lệ nam giới sinh hoạt CLB	%		50%
III	Tổ chức bộ máy của Ban VSTBPN		Đơn vị	Năm 2017
1	Thành lập, kiện toàn Ban VSTBPN khi có sự thay đổi nhân sự			Không
2	Tổng số đơn vị trực thuộc thành lập Ban VSTBPN			29/29
3	Thực hiện quy chế	Xây dựng quy chế mới		Không
		Sửa đổi, bổ sung quy chế		Không
		Chế độ họp Ban (lần/năm)		4 lần/năm
		Tỷ lệ thành viên Ban tham gia họp		100%
4	Kinh phí hoạt động Ban VSTBPN năm 2017 (đồng)		Tùy thuộc từng đơn vị	
5	Công tác tuyên truyền, tập huấn tại đơn vị		Các cơ sở giáo dục	100%
6	Công tác tuyên truyền các chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác BDG, VSTBPN	Số cuộc		2
		Số người		126
	Tập huấn cho thành viên Ban	Số cuộc	Ngành	6
		Số người		9/9

Ninh Bình, ngày tháng 11 năm 2017

TRƯỞNG BAN VSTBPN NGÀNH GD&ĐT



PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT
Bùi Thị Khuyên

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Ánh Nguyệt